

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS- ST

Ngày: 26/8/2021

“ *V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY-TỈNH QUẢNG BÌNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Hải Nam

Ông Võ Xuân Toàn

-Thư ký phiên Tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2021/TLST-DS ngày 04/02/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-DS ngày 04/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B, địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, 109 T, quận H, thành phố Hà Nội, đại diện theo pháp luật ông Phạm Doãn S, Tổng Giám đốc; đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn C, Giám đốc Chi nhánh Quảng Bình theo Quyết định số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017 của Tổng Giám đốc; người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Duy H, chuyên viên khách hàng, tổ kinh doanh- Phòng giao dịch huyện L, địa chỉ: Số 134 H, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình, theo Giấy ủy quyền số 29/2021/UQ-LV ngày 11/01/2021 của Giám đốc Chi nhánh Quảng Bình, ông H có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Trần Ánh D, sinh năm 1977 và bà Lê Thị T, sinh năm 1979, cùng nơi cư trú: Xóm 1, thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2021, bản tự khai ngày 10/3/2021, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C cũng như người được ủy quyền tham gia tố tụng đều trình bày: Ngày 08/8/2017, Ngân hàng TMCP B Chi nhánh Quảng Bình - Phòng giao dịch huyện L với vợ chồng ông Trần Ánh D và bà Lê Thị T ký hợp đồng tín dụng số HĐTD 451201735, với tổng số tiền cấp tín dụng cho vợ chồng ông Trần Ánh D và bà Lê Thị T 515.000.000 đồng (năm trăm mười lăm triệu đồng), thời hạn vay 72 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải

ngân, lãi suất 7,69%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên, kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận nợ. Sau thời gian trên thì áp dụng lãi suất thả nổi và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần, mức lãi suất điều chỉnh không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu thông thường của Ngân hàng B tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả hai bên thỏa thuận 10%/năm; mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô bán tải theo hợp đồng mua xe ô tô ngày 24/7/2017. Trả nợ gốc được chia thành 24 kỳ, từ kỳ thứ nhất đến kỳ 12 mỗi kỳ thanh toán số tiền gốc 25.750.000 đồng; từ kỳ 13 đến kỳ 23, mỗi kỳ thanh toán số tiền 17.150.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng khách hàng phải trả 17.350.000 đồng, trả định kỳ hàng tháng vào ngày mùng 10 của tháng cuối mỗi kỳ, bắt đầu từ tháng 11/2017; trả lãi vào ngày mùng 10 hàng tháng theo dư nợ thực tế, bắt đầu trả nợ từ tháng 9/2017.

Tài sản bảo đảm khoản vay: Theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 08/8/2017 ký giữa Ngân hàng TMCP B với vợ chồng ông Trần Ánh D, bà Lê Thị T là: Xe ô tô bán tải nhãn hiệu CHEVROLET, màu sơn nâu, 5 chỗ ngồi, biển kiểm soát 73C- 075.89 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013456 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 07/8/2017 mang tên Trần Ánh D; toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị đầu tư tăng lên của ô tô đã thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Tổng giá trị tài sản thế chấp hai bên thỏa thuận định giá 649.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông D, bà T mới chỉ thanh toán được một phần tiền gốc là 244.321.880 đồng và lãi đến ngày 10/4/2020 nhưng trước đó đã quá hạn không trả nợ đúng kỳ kể từ ngày 20/02/2019, mặc dù phía Ngân hàng B đã nhiều lần thông báo, đôn đốc. Do đó, Ngân hàng B đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ tháng 02/2020. Sau khi khởi kiện, ông D, bà T có trả thêm 2 lần 40.000.000 đồng, trừ vào gốc: 27.899.370 đồng, số còn lại trừ vào lãi. Hiện nay, ông D bà T không thực hiện đúng hợp đồng 242.778.750 đồng tiền gốc; tiền lãi trên nợ gốc trong hạn 33.165.754 đồng và lãi phát sinh. Do đó, để đảm bảo thu hồi nợ, Ngân hàng B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Ánh D và bà Lê Thị T phải trả cho Ngân hàng B số tiền vay gốc còn lại nói trên và lãi tính đến ngày xét xử gồm: Lãi trong hạn 33.165.754 đồng, lãi quá hạn 16.323.831 đồng; lãi phạt chậm trả lãi 2.359.982 đồng và tiếp tục chịu lãi trên số tiền gốc chưa thanh toán kể từ khi xét xử đến khi thi hành xong, theo mức lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, đồng thời yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm mà ông D, bà T đã thế chấp để thu hồi khoản nợ.

Bị đơn ông Trần Ánh D và bà Lê Thị T trình bày qua bản tự khai các ngày 10/3/2021, 19/5/2021 và biên bản hòa giải ngày 19/5/2021 cũng như tại phiên tòa: Ông D, bà T thừa nhận hai vợ chồng có vay của Ngân hàng TMCP B số tiền: 515.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số HĐTD 451201735 ngày 08/8/2017, về thời hạn và lãi suất đúng như hai bên thống nhất trong hợp đồng và trình bày của Ngân hàng B, khi vay vợ chồng ông, bà có thế chấp một xe ô tô bán tải nhãn hiệu CHEVROLET, màu sơn nâu, 5 chỗ ngồi, biển kiểm soát 73C- 075.89 theo

giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013456 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 07/8/2017 mang tên Trần Ánh D. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông bà đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ tuy không đúng kỳ như hợp đồng quy định nhưng năm nào vợ chồng ông, bà cũng có trả cho Ngân hàng. Số còn lại chưa trả được theo yêu cầu của Ngân hàng là do dịch bệnh, việc làm ăn gặp nhiều khó khăn, do đó, vợ chồng ông, bà đề nghị Ngân hàng và Tòa án cho ông, bà tiếp tục thực hiện hợp đồng, vì vẫn còn thời hạn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B buộc vợ chồng ông Trần Ánh D, bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng là tranh chấp hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Trần Ánh D và bà Lê Thị T có địa chỉ cư trú tại xóm 1, thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Về yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn trả đủ nợ gốc, nợ lãi khi án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp, để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ đối với bị đơn. Theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án; các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa cho thấy, vợ chồng ông Trần Ánh D, bà Lê Thị T đã ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng B số HĐTD 451201735 ngày 08/8/2017 với số tiền gốc vay 515.000.000 đồng, thời hạn 72 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên (ngày giải ngân 08/8/2017), lãi suất 7,69%/ năm, mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi 10%/năm. Đối chiếu hợp đồng tín dụng và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án với lời khai của đại diện nguyên đơn, của bị đơn, có căn cứ xác định ông Trần Ánh D, bà Lê Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 20/02/2019, đến tháng 02/2020 Ngân hàng B đã chuyển sang nợ quá hạn. Trong quá trình hòa giải, Tòa án cũng đã tạo điều kiện về mặt thời gian để cho vợ chồng ông D, bà T và Ngân hàng thỏa thuận tiếp tục thực hiện hợp đồng như đề nghị của phía bị đơn nhưng ông D, bà T không thực hiện được như cam kết trong hợp đồng, tuy có trả được một phần nhưng so với số nợ còn lại thì quá ít nên Ngân hàng không chấp nhận cho tiếp tục thực hiện hợp đồng. Hiện tại số tiền ông D, bà T còn nợ: 294.628.317 đồng, trong đó, tiền gốc còn lại 242.778.750 đồng; lãi trong hạn 33.165.754 đồng, lãi quá hạn 16.323.831 đồng;

lãi phạt chậm trả lãi 2.359.982 đồng. Do đó, việc Ngân hàng B yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán cả gốc và lãi đến ngày xét xử và tiếp tục chịu lãi phát sinh sau ngày tuyên án cho đến khi thi hành xong khoản tiền gốc là có căn cứ;

Về tài sản bảo đảm khoản vay: Theo hợp đồng thế chấp số: 18/2017/HĐTC ngày 08/8/2017, được ký kết bởi người có thẩm quyền của Ngân hàng với ông Trần Ánh D, bà Lê Thị T là bên có nghĩa vụ cam kết với bên có quyền (Ngân hàng) nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên có quyền được xử lý hoặc yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Đây là thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo đúng trình tự quy định, nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật có hiệu lực. Căn cứ thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay ông Trần Ánh D và bà Lê Thị T, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là xe ô tô bán tải nhãn hiệu CHEVROLET, màu sơn nâu, 5 chỗ ngồi, biển kiểm soát 73C- 075.89 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013456 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 07/8/2017 mang tên Trần Ánh D, để bảo đảm nghĩa vụ trả khoản nợ của ông D, bà T là có căn cứ.

Từ những nhân định trên, Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng B được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Trần Ánh D, bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 317, 318, 320, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.
- Buộc ông Trần Ánh D và bà Lê Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền tính đến ngày xét xử 26/8/2021 là: 294.628.317 đồng, trong đó nợ gốc 242.778.750 đồng; lãi trong hạn: 33.165.754 đồng; lãi quá hạn: 16.323.831 đồng; lãi phạt chậm trả lãi: 2.359.982 đồng. Tiền nợ gốc và tiền nợ lãi nói trên phải trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

- Tài sản bảo đảm: Xe ô tô bán tải nhãn hiệu CHEVROLET, màu sơn nâu, 5 chỗ ngồi, biển kiểm soát 73C- 075.89 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013456 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 07/8/2017 mang tên Trần Ánh D và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 18/2017/HĐTC/CN Quảng Bình ngày 08/8/2017, là tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án dân sự của ông Trần Ánh D và bà Lê Thị T. Ngân hàng TMCP B có trách nhiệm chuyển giao các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xử lý khi có đơn yêu cầu thi hành án, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (26/8/2021) bên phải thi hành án tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc chưa thi hành cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HĐTD 451201735 ngày 08/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP B với ông Trần Ánh D và bà Lê Thị T.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Ánh D và bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 14.731.416 đồng; trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí 7.745.000 đồng (ông Trần Duy H đã nộp) theo biên lai số: 0001176 ngày 29/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đại diện nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/8/2021, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS h. Lệ Thủy;
- Lưu HS;
- Lưu Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Nhàn